

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2018/HS-ST
Ngày 08/5/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Đình Bản và ông Tường Duy Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Mùi Thị Quyên, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 100/2018/HSST ngày 20 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Văn T, sinh ngày 24/9/1985 tại huyện M, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Tiểu khu 2, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Mạnh T và bà Nguyễn Thị T; bị cáo có vợ là Hoàng Khánh V và có 2 con; tiền sự: Không; có 01 tiền án: Ngày 25/3/2016, Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; nhân thân: Ngày 19/6/2009, Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt 9 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (chấp hành xong ngày 18/01/2010, đã được xóa án tích). Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2018 đến nay. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 13/01/2018, Lê Văn T một mình điều khiển xe máy nhãn hiệu REWARS biển kiểm soát xxx đi từ tiểu khu 14, thị trấn M, huyện M đến xã L, huyện M để tìm mua ma túy sử dụng. Khi đi đến bản A, xã L thì gặp một người đàn ông dân tộc Mông không quen biết khoảng 40 tuổi, T đã hỏi và đưa cho người đó 400.000 đồng để mua Methamphetamine, người đó nhận tiền,

bảo T đứng chờ rồi đi vào trong bản. Trong lúc chờ, T điện thoại cho Sa Thanh H (Sinh năm 1974, trú tại tiểu khu 14, thị trấn M, huyện M; là người quen của Toan) để vay tiền. H đồng ý, hẹn T đến đường Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu để lấy tiền. Khi nghe H nói đồng ý cho vay tiền thì T nói khi đến lấy tiền sẽ cho H Methamphetamine nhưng H không nói gì và tắt điện thoại. Sau khi chờ khoảng 2 giờ thì người đàn ông dân tộc Mông quay lại đưa cho T 01 túi nilon màu đen bên trong đựng 20 viên Methamphetamine. T nhận gói Methamphetamine cất vào túi áo khoác bên trái đang mặc rồi điều khiển xe máy đi gặp H để vay tiền. Khi T đến khu vực tiểu khu 2, xã Mường Sang, huyện Mộc Châu thì gặp tổ công tác Công an huyện Mộc Châu và Công an xã Mường Sang đang làm nhiệm vụ ra tín hiệu dừng xe, T dừng xe và bỏ chạy khoảng 300 mét thì bị tổ công tác bắt giữ, thu trong túi áo khoác bên trái của T 1 gói nilon màu đen bên trong đựng 20 viên Methamphetamine, T khai đó là ma túy Methamphetamine của T để sử dụng do bản thân nghiện ma túy. Thu giữ của Lê Văn T: 01 gói nilon màu đen bên trong đựng 20 viên Methamphetamine, tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 700.000 đồng, 01 xe máy nhãn hiệu REWARS màu sơn đen biển kiểm soát xxx, 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI đã qua sử dụng và 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn T.

Ngày 13/01/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu và Phòng PC54 Công an tỉnh Sơn La đã tiến hành mở niêm phong, xác định số lượng, khối lượng 20 viên nén màu hồng nghi là Methamphetamine thu giữ của Lê Văn T được tổng khối lượng là 1,88 gam; Lấy 5 viên có tổng khối lượng 0,47 gam làm mẫu gửi giám định, ký hiệu “T”.

Tại Kết luận giám định số 239 ngày 21/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: Mẫu gửi giám định ký hiệu “T” là chất ma túy; loại chất Methamphetamine; Khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,47 gam. Tổng khối lượng chất ma túy thu giữ được là 1,88 gam; loại chất Methamphetamine.

Đối với người bán ma túy cho bị cáo, do bị cáo không quen biết, không biết họ tên, địa chỉ nên không có căn cứ để điều tra.

Đối với Sa Thanh H, quá trình điều tra xác định chiều ngày 13/01/2018, T có gọi điện cho H để vay tiền, H đồng ý và hẹn T đến đường Tòa án huyện để lấy tiền, sau đó H tắt điện thoại, H không biết và không liên quan đến việc T tàng trữ trái phép chất ma túy. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu không đề cập xử lý đối với Sa Thanh H.

Tại bản cáo trạng số 56/CT-VKSMC ngày 20/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu đã truy tố Lê Văn T về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu giữ nguyên cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, áp dụng các căn cứ pháp luật để xử phạt bị cáo như sau:

1. Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; khoản 2, 3 Điều 35; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 24 tháng đến 30 tháng tù. Phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: một phong bì niêm phong bên ngoài ghi vật chứng thu giữ vụ Lê Văn T bắt ngày 13/01/2018 (15 viên=1,41 gam các viên nén màu hồng ký hiệu WY nghi là Methamphetamine cùng vỏ gói niêm phong ban đầu); vỏ gói niêm phong ban đầu (phong bì niêm phong ban đầu số tiền 700.000 đồng thu giữ của Lê Văn T).

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 chiếc xe máy thu giữ của Lê Văn T, nhãn hiệu REWARS, màu sơn đen, biển kiểm soát xxx, đèn xi nhan phía trên bên trái đã bị vỡ, cần khởi động xe không có, ốp lườn bên phải bung ra, chắn bùn trước không có, xe đã qua sử dụng cũ.

Tạm giữ để đảm bảo thi hành án của Lê Văn T: số tiền 700.000 đồng (đã được niêm phong) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI vỏ màu trắng đã qua sử dụng cũ.

Trả cho Lê Văn T: 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn T.

3. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với cáo trạng và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an huyện Mộc Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa, Lê Văn T giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra, bị cáo không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì. Xét lời khai của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản kiểm tra nội dung thông tin lưu trữ trong điện thoại di động của Lê Văn T, biên bản

đối chất giữa Lê Văn T và Sa Thanh H; phù hợp với vật chứng đã thu giữ; biên bản mở niêm phong xác định số lượng, khối lượng, lấy mẫu giám định, niêm phong lại vật chứng; kết luận giám định; lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Do vậy, có đủ căn cứ kết luận: Ngày 13/01/2018, Lê Văn T đã thực hiện hành vi cất giữ trái phép 20 viên Methamphetamine có tổng khối lượng là 1,88 gam để sử dụng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Điều khoản quy định phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới chế độ quản lý chất ma túy của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Do vậy, cần quyết định hình phạt nghiêm khắc và phù hợp với hành vi phạm tội nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không có tiền sự, là đối tượng nghiện ma túy, năm 2009 bị xử phạt tù về tội trộm cắp tài sản, đã được xóa án tích. Bị cáo có 01 tiền án năm 2016 về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[3] Về hình phạt bổ sung (Phạt tiền): Quá trình điều tra và xét hỏi tại phiên tòa thấy, bị cáo bị thu giữ 01 điện thoại di động và số tiền 700.000 đồng, ngoài ra bị cáo không có tài sản gì khác. Do vậy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu về phạt bổ sung đối với bị cáo từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng là có căn cứ. Xét cần áp dụng khoản 2, 3 Điều 35 và khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự, quyết định mức phạt bổ sung (Phạt tiền) phù hợp đối với bị cáo.

[4] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 phong bì niêm phong bên ngoài ghi vật chứng thu giữ vụ Lê Văn T bắt ngày 13/01/2018 (15 viên=1,41 gam các viên nén màu hồng ký hiệu WY nghi là Methamphetamine cùng vỏ gói niêm phong ban đầu) và vỏ gói niêm phong ban đầu (phong bì niêm phong ban đầu số tiền 700.000 đồng thu giữ của Lê Văn T). Xét là chất ma túy và đồ vật không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 01 xe máy nhãn hiệu REWARS màu sơn đen biển kiểm soát xxx, là tài sản của bị cáo, đã sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 700.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo, cần tạm giữ đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn T là giấy tờ tùy thân, cần trả lại cho bị cáo.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét thấy thời hạn tạm giam bị cáo còn lại dưới 45 ngày, cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; khoản 2, 3 Điều 35; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 13/01/2018.

Phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo Lê Văn T 1.000.000 đồng (Một triệu đồng chẵn).

2. Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong bên ngoài ghi vật chứng thu giữ vụ Lê Văn T bắt ngày 13/01/2018 (15 viên = 1,41 gam các viên nén màu hồng ký hiệu WY nghi là Methamphetamine cùng vỏ gói niêm phong ban đầu); vỏ gói niêm phong ban đầu (phong bì niêm phong ban đầu số tiền thu giữ của Lê Văn T).

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 chiếc xe máy thu giữ của Lê Văn T, nhãn hiệu REWARS, màu sơn đen, biển kiểm soát xxx, đèn xi nhan phía trên bên trái đã bị vỡ, cần khởi động xe không có, ốp lườn bên phải bung ra, chắn bùn trước không có, xe đã qua sử dụng cũ.

Tạm giữ để đảm bảo thi hành án của Lê Văn T: Số tiền 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng chẵn) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI vỏ màu trắng, đã qua sử dụng cũ.

Trả cho Lê Văn T: 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn T.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc Lê Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng chẵn).

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Công an huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- Trại giam;
- THAHS;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Nguyễn Thị Hồng Hạnh**